



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 3
tháng 12 năm 2016

CÔNG
TY C[°]
PHẦN
XE
KHÁCH
SÀI GÒN

Digitally signed by
CÔNG TY C[°] PHẦN
XE KHÁCH SÀI GÒN
DN: cn=CÔNG TY
C[°] PHẦN XE
KHÁCH SÀI GÒN
c=VN l=TPHCM
e=truongdt4@viettel.
com.vn
Reason: I am the
author of this
document
Location:
Date: 2017-04-05
15:19+07:00

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 – 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 39



CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300478044 (giấy phép cũ số 4104000165), đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 09 năm 2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 03 tháng 10 năm 2007 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô – Công ty TNHH Một Thành Viên Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 01, Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 13 tháng 03 năm 2008 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ địa chỉ cũ: Số 131 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ mới: Số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 10 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ từ 57 tỷ VND lên thành 99 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 03 tháng 10 năm 2008 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 07 năm 2009 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh Cửa hàng mua bán ô tô 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên Xe khách Sài Gòn, địa chỉ tại số 343/20, Tổng Văn Trăn, phường 5, thành phố Hồ Chí Minh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 14 tháng 07 năm 2010 về việc bổ sung thêm 12 địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 28 tháng 01 năm 2011 về việc bổ sung thông tin về chi nhánh, và thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 30 tháng 05 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ từ 99 tỷ VND lên thành 185 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 19 tháng 11 năm 2011 về việc thay đổi một số địa điểm kinh doanh;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 19 tháng 08 năm 2016 về việc chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty Cổ phần: Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn và tăng vốn điều lệ từ 185 tỷ VND lên thành 600 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 10 tháng 09 năm 2016 về việc thay đổi thông tin điện thoại liên lạc.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) – 39 505 505
- Fax : (08) – 38 546 127

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 19 tháng 8 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hồng Anh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Trần Ngọc Dân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Đoàn Minh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Hoàn Quốc Hội	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Trần Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Nguyễn Hồ Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Đoàn Minh Tâm	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Phạm Hoàng Hiệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Bà Trần Tuyết Nhung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm trong năm
Ông Nim Vuồn Phu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Bà Trần Thị Kim Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Bà Trần Thị Thanh Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Võ Nhiên Định	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Bà Trương Thị Trúc Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015 và miễn nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đoàn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2016
Ông Nguyễn Tuấn Việt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2016
Ông Nguyễn Hồ Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2016
Ông Vũ Duy Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2016
Bà Phạm Thị Lệ Thu	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 08 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đoàn Minh Tâm, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN
Số 39 Hải Thượng Lân Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

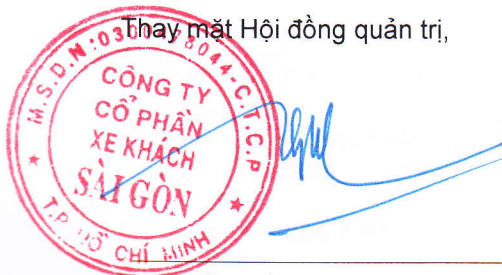
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



NGUYỄN HỒNG ANH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017



Số: 295/2017/BCKT-HCM.00380

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương kế hoạch được Hội đồng quản trị thông qua. Chi phí lương này có thể thay đổi sau khi được phê duyệt chính thức của Đại hội đồng cổ đông.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xe khách Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

489
NG
KIỂM
TO
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223.753.165.177	391.247.309.953
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		84.258.389.830	278.044.082.213
Tiền	111	5.1	84.258.389.830	278.044.082.213
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.190.152.861	81.511.175.784
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.037.414.849	29.167.200.410
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.103.932.664	5.168.404.064
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	58.048.805.348	47.175.571.310
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	29.781.685.819	23.611.045.657
Hàng tồn kho	141		29.781.685.819	23.611.045.657
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.522.936.667	8.081.006.299
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	2.933.864.630	2.561.734.422
Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.589.072.037	4.830.325.298
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	688.946.579
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		620.095.451.359	420.310.261.088
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	320.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	320.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		599.212.093.877	399.707.174.648
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	599.212.093.877	399.707.174.648
Nguyên giá	222		1.271.053.813.271	1.042.945.834.140
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(671.841.719.394)	(643.238.659.492)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.246.257.439	391.356.364
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	3.246.257.439	391.356.364
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		17.637.100.043	19.891.730.076
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	17.637.100.043	19.891.730.076
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		843.848.616.536	811.557.571.041

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		230.542.456.739	651.768.475.646
Nợ ngắn hạn	310		87.407.508.037	643.183.069.310
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	35.584.786.801	122.657.091.705
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	2.242.488.987	1.266.934.152
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	244.583.458	1.113.383.352
Phải trả người lao động	314		992.055.690	782.792.690
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	139.445.142	1.485.888.580
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13	3.836.794.424	481.553.100
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	837.023.595	451.924.654.911
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	37.641.161.452	55.601.392.112
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	5.889.168.488	7.869.378.708
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		143.134.948.702	8.585.406.336
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	2.416.658.000	2.447.548.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	140.239.744.366	5.495.212.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.17	478.546.336	642.646.336

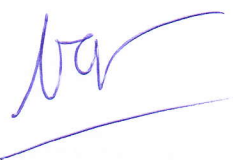
CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		613.306.159.797	159.789.095.395
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	613.306.159.797	159.789.095.395
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		594.386.808.230	143.372.513.611
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		594.386.808.230	143.372.513.611
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.900.593.497	7.397.823.714
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.397.823.714	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.502.769.783	7.397.823.714
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		9.018.758.070	9.018.758.070
Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		843.848.616.536	811.557.571.041



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập biểu



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

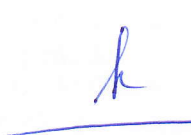
39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		207.622.865.200	356.903.831.224
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.496.455.856	8.113.281.898
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	203.126.409.344	348.790.549.326
Giá vốn hàng bán	11	6.2	179.512.568.309	305.398.490.377
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.613.841.035	43.392.058.949
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	443.056.168	653.658.056
Chi phí tài chính	22	6.4	2.077.533.320	1.120.716.773
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		2.077.533.320	1.120.716.773
Chi phí bán hàng	25	6.5	495.064.023	763.504.923
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	22.447.841.812	41.512.360.988
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(963.541.952)	649.134.321
Thu nhập khác	31	6.7	5.729.153.677	9.997.187.241
Chi phí khác	32	6.8	1.607.898.328	1.282.205.758
Lợi nhuận khác	40		4.121.255.349	8.714.981.483
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.157.713.397	9.364.115.804
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.11	654.943.614	1.966.292.090
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.502.769.783	7.397.823.714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	42	-


NGUYỄN THỊ VÂN ANH
 Người lập biểu


PHẠM THỊ LỆ THU
 Kế toán trưởng


ĐOÀN MINH TÂM
 Tổng Giám đốc
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

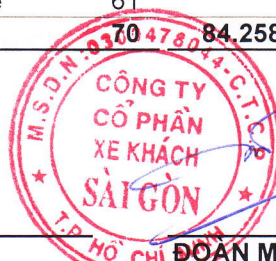
	Mã số	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	3.157.713.397	9.364.115.804
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	28.603.059.902	18.107.351.400
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	-	(3.535.657.544)
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(443.056.168)	(320.433.056)
Chi phí lãi vay	06	2.077.533.320	1.120.716.773
Các khoản điều chỉnh khác	07	300.000.000	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	33.695.250.451	24.736.093.377
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(19.428.777.237)	(22.807.910.503)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(6.170.640.162)	2.854.137.586
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(85.480.355.029)	323.447.900.747
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.882.499.825	(5.647.014.497)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.938.088.178)	(1.120.716.773)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(629.849.501)	(4.756.078.765)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.980.210.220)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	(80.050.170.051)	316.706.411.172
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(230.962.880.206)	(106.220.856.815)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	443.056.168	320.433.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(230.519.824.038)	(105.900.423.759)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	201.885.364.063	105.801.024.063
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(85.101.062.357)	(70.093.000.511)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	116.784.301.706	35.708.023.552
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(193.785.692.383)	246.514.010.965
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	278.044.082.213	31.530.071.248
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	84.258.389.830	278.044.082.213

NGUYỄN THỊ VĂN ANH

Người lập biểu

PHẠM THỊ LỆ THU

Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lân Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Xe khách Sài Gòn Theo Quyết định số 7164/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Xe khách Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng ô tô. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ. Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại (không sản xuất tại trụ sở; trừ thiết kế phương tiện vận tải). Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế. Xuất nhập khẩu, mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, linh kiện, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô các loại. Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt. Mua bán mỡ bôi trơn, chất làm sạch động cơ, nhiên liệu khác dùng trong động cơ. Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng (chức năng này không thực hiện đối với nhà đất thuộc Nhà nước chuyển giao tài sản). Giữ xe 2 bánh, 4 bánh. Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xuất nhập khẩu, mua bán sản phẩm cơ khí, điện – điện tử, nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, công nghệ, máy móc, phụ tùng ngành giao thông vận tải. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở). Tư vấn du học. Tổ chức hội chợ, hội nghị. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu lửa, tàu cánh ngầm, vé xe ô tô. Quảng cáo thương mại. Dạy nghề.

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 18 tháng 9 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định;
- Kinh doanh vận tải khách tuyến liên vận quốc tế;
- Sản xuất: đóng mới, cải tạo và lắp ráp xe ô tô các loại;
- Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu nhớt;
- Cho thuê kho, bãi đỗ xe, nhà ở, văn phòng;
- Các dịch vụ khác.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có 11 địa điểm kinh doanh hạch toán phụ thuộc tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

Tên Xí Nghiệp	Địa chỉ
Xí nghiệp sửa chữa ô tô	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Du lịch-Lữ hành (Saigonbus Travel)	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp dịch vụ Du lịch Sapaco	Số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 1	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 2	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 3	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 4	Số 1 Phạm Hồng Thái, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 5	Số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 6	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải số 7	Số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu cho nên số liệu được trình bày năm nay là từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016 (và năm trước là từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 18 tháng 08 năm 2016)

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 1.243 người (tại ngày 18 tháng 8 năm 2016 là 1.246 người).

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty.

Các năm tài chính tiếp theo là bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước tại số 171 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh là giá trị tiềm năng phát triển và giá trị thương hiệu của Công ty được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA ngày 07 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Tài sản cố định khác	4 - 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.10 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm tài chính được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương người lao động trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, năng suất lao động bình quân theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa bao gồm lương tại Công ty.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận chi phí lương theo quỹ lương kế hoạch được Hội đồng quản trị thông qua.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các Cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.15 Thuế

4.15.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty có 2 loại doanh thu là doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng (là doanh thu vận chuyển hành khách công cộng và doanh thu trợ giá xe buýt) và doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng là doanh thu các hoạt động còn lại.

Thuế giá trị gia tăng đầu vào của Công ty áp dụng theo phương thức khấu trừ thuế đầu vào trên tỉ lệ doanh thu chịu thuế và tổng doanh thu.

4.15.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (Samco)	Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông nhà nước nắm giữ 49% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Tiền mặt - VND	2.367.701.341	835.054.020
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	81.890.688.489	277.209.028.193
	84.258.389.830	278.044.082.213

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Phải thu bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH Một thành viên (Xem thêm Thuyết minh mục 8.1.2)	664.680.000	128.968.548
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH GB Hà Nội	6.180.000.000	6.780.000.000
Công ty TNHH Vận tải TP. Hồ Chí Minh	1.324.634.718	2.712.054.733
Công ty Phát triển Khu Công Nghệ Cao	826.095.000	656.514.621
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Đà Nẵng	5.408.704.000	-
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn - XN Toa xe Sài Gòn	2.671.392.662	-
Các khách hàng khác	14.961.908.469	18.889.662.508
	32.037.414.849	29.167.200.410

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH XD TM DL Hồng Ngọc Hà	-	639.214.953
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Xây lắp Thương mại (Tp. Hà Nội)	-	973.927.162
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Thăng Long	1.070.592.700	-
Các nhà cung cấp khác	8.033.339.964	3.555.261.949
	9.103.932.664	5.168.404.064

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		18/08/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>(Xem Thuyết minh 8.1.2)</i>				
Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận Tải Sài Gòn –TNHH Một thành viên – phải thu tiền ký quỹ bảo lãnh	-	-	2.747.608.000	-
Công ty Cổ phần bến xe Miền Tây – phải thu tiền ký quỹ thuê bến bãi	56.720.000	-	56.720.000	-
Công ty Cổ phần bến xe Miền Đông	28.730.000	-	28.730.000	-
Công ty Cổ phần bến bãi Sài Gòn	81.894.000	-	81.894.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu tiền trợ giá xe bus, đưa rước công nhân, đưa rước học sinh	21.383.271.224	-	12.690.897.908	-
Dự án nhà 39 Hải Thượng Lãn Ông (*)	9.018.758.070	-	9.018.758.070	-
Phải thu của Trung tâm điều hành vận tải hành khách công cộng	8.629.346.031	-	-	-
Phải thu vé tập thu lại	4.147.271.596	-	4.605.345.238	-
Phải thu Công Ty Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn - tiền thù lao HĐQT	1.921.488.800	-	1.921.488.800	-
Phải thu tiền trợ giá chờ kết chuyển	-	-	4.496.455.856	-
Tạm ứng nhân viên	5.101.196.373	-	7.185.143.450	-
Ký cược, ký quỹ	651.530.000	-	331.530.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.028.599.254	-	4.010.999.988	-
	58.048.805.348	-	47.175.571.310	-

(*) Đây là khoản phải thu ngân sách nhà nước sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc của Công ty TNHH Một thành viên Xe Khách Sài Gòn" được duyệt theo quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2016		18/08/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	603.990.000	-	4.544.182.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.228.188.419	-	15.301.452.077	-
Công cụ, dụng cụ	182.689.245	-	113.113.545	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.236.961.329	-	2.428.413.213	-
Thành phẩm	-	-	1.200.377.295	-
Hàng hóa	529.856.826	-	23.507.527	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	29.781.685.819	-	23.611.045.657	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Phí đường bộ, đăng kiểm	199.920.000	120.360.000
Chi phí bảo hiểm	1.711.603.788	583.875.947
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	-	311.345.758
Chi phí đồng phục	-	855.181.465
Chi phí bảo hiểm	-	143.147.813
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	888.520.344	547.823.439
	2.933.864.630	2.561.734.422

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Công cụ, dụng cụ đánh giá lại (a)	858.725.351	981.400.401
Công cụ, dụng cụ	725.665.988	555.460.296
Lợi thế kinh doanh (b)	5.684.659.155	5.906.139.382
Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ (c)	8.944.963.213	8.944.963.213
Chi phí sửa chữa	1.069.946.891	816.118.449
Trang thiết bị theo xe	353.139.445	401.848.335
Chi phí phạt của Trung tâm điều hành vận tải hành khách công cộng	-	2.285.800.000
	17.637.100.043	19.891.730.076

- (a) Công cụ, dụng cụ đánh giá lại được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- (b) Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển, được ghi nhận theo theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA và Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.
- (c) Tiền thuê đất tại 171 Điện Biên Phủ được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 36/2015/UHY ACA/BCĐG ngày 07 tháng 12 năm 2015 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA Quyết định số 7025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>						
Tại ngày 18/08/2016	124.163.779.595	7.288.461.584	898.095.313.254	11.575.783.518	1.822.496.189	1.042.945.834.140
Mua trong năm	494.914.172	46.013.363	227.474.473.027	92.578.565	-	228.107.979.127
Tại ngày 31/12/2016	124.658.693.767	7.334.474.947	1.125.569.786.285	11.668.362.083	1.822.496.189	1.271.053.813.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Tại ngày 18/08/2016	41.778.939.091	4.786.381.757	588.949.404.526	6.674.664.821	1.049.269.297	643.238.659.492
Khấu hao trong năm	2.342.391.890	295.369.556	25.577.713.940	301.383.722	86.200.794	28.603.059.902
Tại ngày 31/12/2016	44.121.330.981	5.081.751.313	614.527.118.466	6.976.048.543	1.135.470.091	671.841.719.394
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 18/08/2016	82.384.840.504	2.502.079.827	309.145.908.728	4.901.118.697	773.226.892	399.707.174.648
Tại ngày 31/12/2016	80.537.362.786	2.252.723.634	511.042.667.819	4.692.313.540	687.026.098	599.212.093.877
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 18/08/2016	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị còn lại của nhà cửa vật kiến trúc tại số 171 Điện Biên Phủ, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và phương tiện vận tải đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 263.848.736.100 VND (tại 18 tháng 8 năm 2016 là 28.374.427.514 VND)

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	18/08/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	31/12/2016 VND
Dự án bãi xe cao tầng Số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình	391.356.364	-	391.356.364
Chi phí sửa chữa xe ô tô	-	542.811.161	542.811.161
Xây dựng văn phòng làm việc và xưởng sửa chữa Tổng Văn Trân		2.312.089.914	2.312.089.914
	391.356.364	2.854.901.075	3.246.257.439

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ khí GTVT Sài Gòn - TNHH Một thành viên	160.919.707	71.671.171.805
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	20.234.705.431	38.542.879.934
Các nhà cung cấp khác	15.189.161.663	12.443.039.966
	35.584.786.801	122.657.091.705

5.10 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH TM DV Thành Tuấn	-	1.064.188.334
Công Ty CP Đầu tư và Thương mại Tuấn Hưng Miền Nam	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Tiên phong	294.591.187	-
Các khách hàng khác	947.897.800	202.745.818
	2.242.488.987	1.266.934.152

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	18/08/2016		Số phát sinh trong năm				31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Giảm khác VND		Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	498.281.557	-	-	(92.628.233)	(405.653.324)		-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(380.532.634)	744.281.884	(363.749.250)	-		-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(308.413.945)	1.215.411.445	(906.997.500)	-		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.750.424	-	643.588.614	(629.849.501)	-		212.489.537	-
Thuế thu nhập cá nhân	125.455.525	-	148.492.552	(242.310.476)	-		31.637.601	-
Thuế tài nguyên	344.080	-	1.795.840	(1.683.600)	-		456.320	-
Tiền thuế đất	290.551.766	-	1.052.591.332	(1.343.143.098)	-		-	-
Cộng	1.113.383.352	(688.946.579)	3.806.161.667	(3.580.361.658)	(405.653.324)		244.583.458	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tổng lợi nhuận trước thuế theo kế toán	3.157.713.397	9.364.115.804
Cộng các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	417.004.674	467.344.640
Thu nhập chịu thuế TNDN	3.574.718.071	9.831.460.444
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.574.718.071	9.831.460.444
Trừ quỹ phát triển khoa học công nghệ	(300.000.000)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp trong kỳ/ năm	654.943.614	1.966.292.090
Điều chỉnh giảm thuế TNDN	(11.355.000)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp trong kỳ/năm	643.588.614	1.966.292.090

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất m²

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Diện tích thuê (m²)</u>
Tại số 01 Phạm Hồng Thái, phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	27.490,0
Tại số 592 Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	6.799,1
Tại số 500 Nguyễn Đình Chiểu, phường 4, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	618,6
Tại số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	774,2
Tại số 343/20 Lạc Long, quận, phường 5, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh	(*) 30.511,9
Tại số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	(*) 7.214,0

(*) Là các khu đất thuê được miễn tiền thuê đất, cụ thể như sau:

Tại số 343/20 Lạc Long Quân, phường 5, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh: Quyết định số 1436-QĐ-CCT-TBTK ngày 16 tháng 8 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty MTV Xe khách Sài Gòn từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2045.

Tại số 439 Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh: Quyết định số 875/QĐ-CCT ngày 26 tháng 10 năm 2010 về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn từ ngày 01 tháng 07 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí đóng thùng	-	307.677.600
Trích trước chi phí tour du lịch	-	1.178.210.980
Trích trước chi phí lãi vay	139.445.142	-
	139.445.142	1.485.888.580

5.13 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Doanh thu cho thuê trạm đăng kiểm	-	168.180.645
Doanh thu quảng cáo cho PV Oil Lube	-	313.372.455
Doanh thu Tours Du lịch lữ hành	3.836.794.424	-
	3.836.794.424	481.553.100

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	-	176.265.392
Thù lao Hội đồng thành viên (phí điều hành Công Ty Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn)	570.000.000	570.000.000
Phải trả cổ phần hóa	482.880	451.014.777.499
Tiền đồng phục phải trả	61.239.870	82.757.620
Bảo hiểm bồi thường tai nạn	128.335.000	29.395.000
Phải trả trung tâm sát hạch lái xe	51.260.000	2.430.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	25.705.845	49.029.400
	837.023.595	451.924.654.911

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.416.658.000	2.447.548.000
	2.416.658.000	2.447.548.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2016		18/08/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	-	-	40.506.176.112	40.506.176.112
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	9.600.000.000	9.600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả				
Công ty đầu tư tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh 5.15.2)	15.744.616.000	15.744.616.000	5.495.216.000	5.495.216.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kì Đồng (Xem thuyết minh 5.15.2)	9.896.545.452	9.896.545.452	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Thủ Thiêm (Xem thuyết minh 5.15.2)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
	37.641.161.452	37.641.161.452	55.601.392.112	55.601.392.112

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	18/8/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2016 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.106.176.112	33.621.082.245	-	83.727.258.357)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	5.495.216.000	-	33.519.749.452	(1.373.804.000)	37.641.161.452
	55.601.392.112	33.621.082.245	33.519.749.452	(85.101.062.357)	37.641.161.452

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2016		18/08/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh (a)	79.715.324.000	79.715.324.000	10.990.428.000	10.990.428.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kì Đồng (b)	17.538.181.818	17.538.181.818	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm (c)	80.627.400.000	80.627.400.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(37.641.161.452)	(37.641.161.452)	(5.495.216.000)	(5.495.216.000)
	140.239.744.366	140.239.744.366	5.495.212.000	5.495.212.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (a) Vay dài hạn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Tp. Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay như sau:

Hợp đồng vay số 168/2011/HĐTD-QĐT-TD ngày 22 tháng 07 năm 2011 như sau:

Mục đích vay	: Thực hiện dự án "Thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Tp. Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: 10,8%/năm, trong đó ngân sách Nhà Nước hỗ trợ lãi vay theo từng thời điểm.
Hình thức đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng vay số 88/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 17 tháng 07 năm 2016 như sau:

Mục đích vay	: Thực hiện Giai đoạn 2 "Dự án thí điểm đầu tư xe buýt sử dụng khí nén thiên nhiên trong vận tải hành khách công cộng tại Tp. Hồ Chí Minh, 19 xe bus CNG".
Hạn mức cho vay	: 55.825.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư giai đoạn 2 của dự án.
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/9/2016 là 8,675% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của bốn ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án 29 xe bus CNG Toàn bộ nguồn thu từ dự án, trợ giá, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước Duy trì tài khoản với tổng số tiền 3.385.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Hợp đồng vay số 136/2016/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 23 tháng 09 năm 2016 như sau:

Mục đích vay	: Đầu tư 17 xe buýt sử dụng nhiên liệu DIESEL loại 40 chỗ "đầu tư phương tiện vận tải hành khách công cộng" thuộc dự án số 717A/QĐ-XKSG ngày 18/05/2016.
Hạn mức cho vay	: 14.375.000.000 VND nhưng không quá tối đa 80% tổng mức đầu tư "Đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng"
Thời hạn cho vay	: 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/09/2016 là 8,875% (trên cơ sở 360 ngày). Lãi suất cho vay điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng /lần vào ngày 01/01, ngày 01/04, ngày 01/07 và ngày 01/10 hàng năm, được tính theo công thức bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (loại trả lãi sau) của 4 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản hình thành từ dự án là 17 xe bus sử dụng nhiên liệu DIESEL. Toàn bộ nguồn thu từ dự án, hỗ trợ lãi vay của Ngân hàng Nhà Nước tại ngân hàng PVCombank Chi nhánh TP Hồ Chí Minh. Duy trì một hoặc nhiều tài khoản tiền gửi với tổng số tiền tối thiểu là 1.760.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

- (b) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kì Đồng theo hợp đồng vay số 0071/KHDN/16DH ngày 07 tháng 12 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định là xe bus hiệu SAMCO Bus B47 thuộc “dự án đầu tư phương tiện hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt”.
Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp đã thanh toán vượt phần vốn còn phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án.

Hạn mức cho vay : 76.203.400.000 VND nhưng không quá 65,5% tổng mức đầu tư của dự án (chưa bao gồm VAT)

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 ngân hàng là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Bảy mươi chín (79) phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty.

- (c) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ thiêm theo hợp đồng vay số 290/2016-HDTDDA/NHCT903-SATRANCO ngày 30 tháng 11 năm 2016:

Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hợp lý tài sản cố định là xe buýt hiệu SAMCO Bus B47 và SAMCO Bus B30.

Hạn mức cho vay : 80.627.400.000 VND

Thời hạn cho vay : 7 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Lãi suất : Lãi suất lãi vay thả nổi.
Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9,02%/năm và chỉ có giá trị cho kì tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng.
Lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 1 lần.
Lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm 12 trả lãi sau bình quân của 4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cộng (+) biên độ 2,34%/năm.

Hình thức đảm bảo : Đảm bảo tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2016				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh	79.715.324.000	15.744.616.000	47.334.208.000	16.636.500.000
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	80.627.400.000	12.000.000.000	62.400.000.000	6.227.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kì Đồng	17.538.181.818	9.896.545.452	7.641.636.366	-
	177.880.905.818	37.641.161.451	117.375.844.366	22.863.900.000

Tại ngày 18/8/2016

Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh	10.990.428.000	5.495.216.000	5.495.216.000	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	40.506.176.112	40.506.176.112	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	9.600.000.000	9.600.000.000	-	-
	61.096.604.112	55.601.392.112	5.495.216.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	18/8/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND	31/12/2016 VND
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. Hồ Chí Minh	5.495.212.000	70.098.700.000	(11.623.204.000)	63.970.708.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Thiêm	-	80.627.400.000	(12.000.000.000)	68.627.400.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kì Đồng	-	17.538.181.818	(9.896.545.452)	7.641.636.366
	5.495.212.000	168.264.281.818	(33.519.749.452)	40.239.744.366

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	18/08/2016 VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	5.151.528.849	(1.855.160.220)	3.296.368.629
Quỹ phúc lợi	2.358.454.366	(125.050.000)	2.233.404.366
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	359.395.493	-	359.395.493
	7.869.378.708	(1.980.210.220)	5.889.168.488

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17 Quỹ phát triển khoa học và công nghệTừ 19/08/2016
đến 31/12/2016

Tại ngày 19/08/2016	642.646.336
Trích lập quỹ	300.000.000
Tăng khác	-
Xuất vật tư	(464.100.000)
Tại ngày 31/12/2016	478.546.336

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	176.147.577.392	1.831.476.080	581.203.955	-	178.560.257.427
Giảm vốn trong năm	(32.775.063.781)	-	-	-	(32.775.063.781)
Lãi trong kỳ	-	-	7.397.823.714	-	7.397.823.714
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	-	(1.831.476.080)	-	-	(1.831.476.080)
Ngôn vốn đầu tư XDCB do ngân sách cấp	-	-	-	9.018.758.070	9.018.758.070
Điều chỉnh giảm theo Biên bản kiểm toán Nhà Nước	-	-	(581.203.955)	-	(581.203.955)
Tại ngày 18/08/2016	143.372.513.611	-	7.397.823.714	9.018.758.070	159.789.095.395
Tại ngày 19/08/2016	143.372.513.611	-	7.397.823.714	9.018.758.070	159.789.095.395
Tăng vốn trong năm	451.014.294.619	-	-	-	451.014.294.619
Lãi trong năm	-	-	2.502.769.783	-	2.502.769.783
Tại ngày 31/12/2016	594.386.808.230	-	9.900.593.497	9.018.758.070	613.306.159.797

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**Cổ đông**

31/12/2016

VND

Tỷ lệ (%)

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH Một thành viên	288.386.808.230	48,52%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	144.274.000.000	24,27%
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	90.000.000.000	15,14%
Ông Nguyễn Văn Thành	45.000.000.000	7,57%
Các cổ đông khác	26.726.000.000	4,50%
	594.386.808.230	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	60.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.438.681
- Cổ phiếu phổ thông	59.438.681
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.438.681
- Cổ phiếu phổ thông	59.438.681
- Cổ phiếu ưu đãi	

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.19.1 Tài sản thuê ngoài**

Căn cứ vào hợp đồng thuê đất của Công ty, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2016 VND	18/08/2016 VND
Trong vòng 1 năm	13.898.509.787	13.936.692.506
Trên 1 năm đến 5 năm	55.746.770.024	55.746.770.024
Trên 5 năm	498.233.746.735	503.350.231.108
	567.879.026.546	573.033.693.638

5.19.2 Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2016	18/08/2016
Phải thu các cá nhân	-	330.150.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa	27.764.967.643	42.258.121.441
Doanh thu cung cấp dịch vụ	179.857.897.557	314.645.709.813
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Truy thu trợ giá (*)	(4.496.455.856)	(8.113.281.898)
Doanh thu thuần	203.126.409.344	348.790.549.326

(*) Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản thu hồi tiền trợ giá xe bus 6 tháng đầu năm 2013 do tạm cấp thừa vượt đơn giá quy định do điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng theo công văn số 700/SGTVT-TC ngày 28/01/2015 của Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	26.602.159.748	41.104.620.793
Giá vốn cung cấp dịch vụ	152.910.408.561	264.293.869.584
	179.512.568.309	305.398.490.377

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.281.168	320.433.056
Lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh	56.775.000	333.225.000
	443.056.168	653.658.056

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tiền lãi vay	2.077.533.320	1.120.716.773
	2.077.533.320	1.120.716.773

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Chi phí bảo dưỡng, lưu kho xăng dầu	495.064.023	763.504.923
	495.064.023	763.504.923

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Chi phí nhân viên	6.144.134.688	12.377.603.277
Chi phí vật liệu quản lý	226.644.591	432.096.323
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.962.256.141	3.392.609.444
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.130.422.545	4.010.827.598
Thuế, phí, lệ phí	5.314.331.900	8.402.846.832
Tiền điện, điện thoại, internet	1.970.604.439	3.059.264.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.097.626.051	3.652.522.206
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.601.821.457	6.184.591.087
	22.447.841.812	41.512.360.988

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.7 Thu nhập khác

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	4.447.929.131	7.249.297.029
Thù lao hội đồng quản trị	-	801.592.800
Tiền điện nước từ cho thuê mặt bằng	480.105.636	699.981.615
Thu nhập từ sửa chữa xe	50.105.636	206.897.045
Thu nhập từ quảng cáo	313.372.455	568.332.091
Thu nhập khác	437.640.819	471.086.661
	5.729.153.677	9.997.187.241

6.8 Chi phí khác

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ cho thuê mặt bằng	253.116.698	143.171.283
Chi phí khấu hao xe dự phòng	996.919.806	72.070.281
Phạt do vi phạm từ trung tâm	-	542.500.000
Tiền phạt, chậm nộp, truy thu thuế	2.101.674	389.349.754
Chi phí khác	355.760.150	135.114.440
	1.607.898.328	1.282.205.758

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.502.769.783
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.502.769.783
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	59.438.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	42

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 08 năm 2016	59.438.681
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	59.438.681

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	26.602.159.748	41.031.521.793
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.794.378.721	89.284.500.364
Chi phí nhân công	52.773.763.696	99.562.147.752
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.353.023.398	17.892.109.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.329.471.538	70.136.215.947
Chi phí bằng tiền khác	7.411.225.159	21.378.206.981
	206.264.022.260	339.284.702.673

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tăng tài sản cố định thông qua định giá doanh nghiệp	-	169.945.784.816
Giảm vốn do bàn giao lại tài sản cố định và khoản đầu tư dài hạn cho Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn TNHH Một thành viên (Samco)		32.775.063.781
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	451.014.294.619	-
	451.014.294.619	202.720.848.597

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	201.885.364.063	105.801.024.063
	201.885.364.063	105.801.024.063

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	85.101.062.357	70.093.000.511
	85.101.062.357	70.093.000.511

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tiền lương, thù lao và thu nhập khác	1.246.257.000	1.555.492.690
	1.246.257.000	1.555.492.690

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Từ 19/08/2016 đến 31/12/2016 VND	Từ 01/01/2016 đến 18/08/2016 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Mua hàng hóa, dịch vụ Cung cấp dịch vụ	174.273.918 1.797.332.000	79.908.659.601 3.598.568.000
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Tiền dịch vụ bến bãi	182.272.726	276.656.363
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Tiền dịch vụ bến bãi	132.836.818	188.618.635
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Tiền dịch vụ bến bãi	149.926.135	228.319.774

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN

Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, phường 10, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính từ ngày 19 tháng 08 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

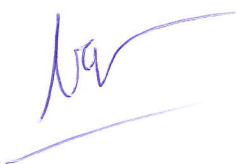
Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	19/08/2016 VND
Tổng công ty Cơ Khí Giao thông Vận tải Sài Gòn –TNHH Một thành viên	Phải thu thương mại (Xem Thuyết minh 5.2) Phải thu ngắn hạn khác (Xem Thuyết minh 5.4) Phải trả thương mại (Xem Thuyết minh 5.9)	664.680.000 - (160.919.707)	128.968.548 2.747.608.000 (71.671.171.805)
Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	Phải thu ngắn hạn khác (Xem Thuyết minh 5.4)	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	Phải thu ngắn hạn khác (Xem Thuyết minh 5.4)	28.730.000	28.730.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Sài Gòn	Phải thu ngắn hạn khác (Xem Thuyết minh 5.4)	81.894.000	81.894.000

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

8.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Người lập



PHẠM THỊ LỆ THU
Kế toán trưởng



ĐOÀN MINH TÂM

Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017